

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN 6
NĂM HỌC: 2021-2022

TUẦN 17: Từ 27/12/2021 đến 01/01/2022

TIẾT 1. ÔN TẬP

I. Hoạt động 1: Đọc tài liệu và trả lời câu hỏi

Xem lại kiến thức cũ

- Lũy thừa số tự nhiên
- Thứ tự thực hiện các phép tính
- Các quy tắc học ở tiểu học để tìm x
- Các bước tìm ƯCLN, BCNN bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố

II. Hoạt động 2: Kiểm tra đánh giá quá trình tự học

Bài 1. Thực hiện phép tính:

- a) $35.16 + 84.35$
- b) $157 - 54 : 3^2$
- c) $100 : 52 + 6.2020^0$
- d) $256 - [4.(109 - 3^2) + 48] : 2^3$

Bài 2. Tìm x, biết:

- a) $23 + x = 50$
- b) $2.(118 - x) = 30$
- c) $-5 \leq x \leq 5$

Bài 3.

- a) Tìm ƯCLN (56,140)
- b) Tìm BCNN (60,280)

III. Hoạt động 3: Bài tập về nhà

Bài 1: Thực hiện phép tính:

- a) $25.64 + 25.36$
- b) $180 : (4.5^2 - 8^2)$
- c) $6^{10} : 6^8 + 3^2.2020^0$
- d) $21 : [49 : (7.16 : 4^2)]$

Bài 2:

- a) Tìm ƯCLN(72,60)

b) Tìm BCNN(16,24,36)

Bài 3: Tìm số tự nhiên x , biết:

a) $5 \cdot x - 45 = 35$

b) Tìm số tự nhiên x lớn nhất, biết: $144 : x$; $180 : x$

IV. Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A:	1.
	Phần B:	2.
	Trong bài học	3.

TIẾT 2.ÔN TẬP (tiếp theo)

I.Hoạt động 1: Đọc tài liệu và trả lời câu hỏi

Học sinh xem lại các dạng toán thực tế:

Dùng kiến thức UCLN, BCNN để giải

Bài toán thực tế trong cuộc sống

II. Hoạt động 2: Kiểm tra đánh giá quá trình tự học

Bài 1: Trong một buổi liên hoan, lớp 6A đã mua 54 cái kẹo và 42 cái bánh và chia đều ra mỗi đĩa, mỗi đĩa gồm cả kẹo và bánh. Có thể chia được nhiều nhất thành bao nhiêu đĩa ? Hỏi mỗi đĩa có bao nhiêu cái kẹo và bao nhiêu cái bánh ?

Bài 2: Số học sinh khối 6 của một trường trong khoảng từ 300 đến 400 học sinh.Khi xếp hàng 12; 15 hay 18 học sinh đều vừa đủ hàng.

Tính số học sinh khối 6 của trường đó.

Bài 3: Đầu năm học An được mẹ dẫn đi mua sách, vở để học tập. Mẹ mua một bộ sách và 20 quyển vở , mẹ trả cho người bán hàng hết 830 000 đồng. Biết một bộ sách giá 720 000 đồng .Hỏi một quyển vở giá bao nhiêu?

III/ Hoạt động 3:Bài tập về nhà

Bài 1: Vào đầu năm học, thầy tổng phụ trách của một trường THCS cho các học sinh xếp hàng để tập thể dục giữa giờ. Biết rằng, khi xếp hàng 5, hàng 7, hàng 9 thì vừa đủ. Số học sinh của trường trong khoảng từ 850 đến 1000 học sinh. Tính số học sinh của trường đó?

Bài 2 : Lớp 6A có 25 học sinh nam, và 20 học sinh nữ. Trong một tiết học trải nghiệm theo phương pháp mới, giáo viên muốn chia số học sinh của lớp 6A thành các nhóm sao cho số học sinh nam và nữ trong mỗi nhóm đều nhau. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu nhóm? Khi đó mỗi nhóm có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A:	1.
	Phần B:	2.
	Trong bài học	3.

TIẾT 3.ÔN TẬP (tiếp theo)

I. **Hoạt động 1:** Đọc tài liệu và trả lời câu hỏi.

Ôn lại các kiến thức về hình học trực quan:

Nhận biết, xác định và tính các yếu tố của các hình:

Hình vuông, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thang cân.

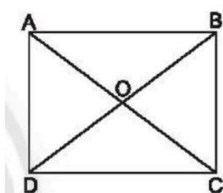
II. **Hoạt động 2:** Kiểm tra đánh giá quá trình tự học

Bài 1:

Cho hình vuông ABCD với đường chéo $AC = 5$ cm. Tính độ dài đoạn thẳng BD.

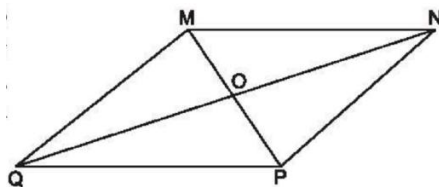
Bài 2:

Cho hình chữ nhật ABCD có $AB = 8$ cm, $AD = 6$ cm, $AC = 10$ cm. Tính độ dài của CD, BC, BD.



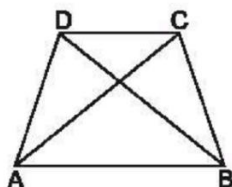
Bài 3:

Cho hình bình hành MNPQ có O là giao điểm của hai đường chéo và thỏa mãn $MN = 6$ cm, $NP = 5$ cm, $OM = 2$ cm. Tính độ dài của PQ, MQ, MP.



Bài 4:

Cho hình thang cân ABCD với cạnh đáy là AB và CD. Biết $BD = 6 \text{ cm}$, $BC = 4 \text{ cm}$.
Hãy tính AC, AD.



III/ Hoạt động 3: Bài tập về nhà

Bài 1:

Cho hình vuông ABCD có $AB = 7 \text{ cm}$. Tính độ dài các đoạn thẳng BC, DC, AD.

Bài 2:

Cho hình chữ nhật ABCD có $AB = 16 \text{ cm}$, $BC = 12 \text{ cm}$, $BD = 20 \text{ cm}$. Tính độ dài của AD, DC, AC.

Bài 3:

Cho hình bình hành ABCD có O là giao điểm hai đường chéo và thỏa $AB = 8 \text{ cm}$, $AD = 5 \text{ cm}$, $OC = 3 \text{ cm}$. Tính độ dài của CD, BC, AC.

Bài 4:

Cho hình thang cân EGIH với cạnh đáy là EG và IH. Biết $GI = 3 \text{ cm}$, $EI = 7 \text{ cm}$.
Hãy tính EH, GH.

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phần B: Trong bài học	1. 2. 3.

TIẾT 4.ÔN TẬP (tiếp theo)

I/ Hoạt động 1: Đọc tài liệu và trả lời câu hỏi.

Ôn lại các kiến thức về thống kê và xác suất:

Bảng dữ liệu ban đầu

Bảng thống kê tương ứng

II/ Hoạt động 2: Kiểm tra đánh giá quá trình tự học

Bài 1:

Bạn Cúc muốn điều tra về các môn thể thao được yêu thích của các bạn trong lớp. Em hãy giúp Cúc hoàn thành công việc.

Môn thể thao	Kiểm đếm	Số bạn chọn
Bóng đá		
Cầu lông		
Bóng chuyền		

Đá cầu		
Bóng bàn		
Bóng rổ		

Bài 2:

Điều tra về loài hoa yêu thích nhất của 30 học sinh lớp 6A1, bạn lớp trưởng thu được bảng dữ liệu như sau:

H	H	M	C	C	H
H	Đ	Đ	C	L	H
H	C	C	L	C	C
L	M	C	Đ	H	C
C	M	L	L	H	C

Viết tắt: H: Hoa Hồng; M: Hoa Mai; C: Hoa Cúc; Đ: Hoa Đào; L: Hoa Lan.

- Hãy gọi tên bảng dữ liệu ở trên.
- Hãy lập bảng thống kê tương ứng.

Bài 3: Bảng dữ liệu ban đầu sau cho biết điểm kiểm tra môn Toán của 10 bạn trong Tổ 1 lớp 6B

6	7	6	5	8
8	7	7	6	5

Em hãy lập bảng thống kê tương ứng.

III/ Hoạt động 3: Bài tập về nhà

Bài 1:

Điều tra loài hoa yêu thích nhất của 12 học sinh tổ 1 lớp 6B, bạn tổ trưởng thu được bảng dữ liệu như sau:

H	H	M	C	C	H
H	Đ	Đ	C	L	H

Viết tắt: H: Hoa Hồng; M: Hoa Mai; C: Hoa Cúc; Đ: Hoa Đào; L: Hoa Lan.

- Hãy gọi tên bảng dữ liệu ở trên.
- Hãy lập bảng thống kê tương ứng.

Bài 2:

Bảng dữ liệu ban đầu sau ghi lại số thành viên trong gia đình của 10 bạn trong tổ 2 lớp 6C:

4	6	6	3	5
4	4	4	6	3

Em hãy lập bảng thống kê tương ứng.

IV/ Thắc mắc của học sinh

Các em chuẩn bị bài và ghi lại những điều chưa hiểu, để hỏi Thầy, Cô khi học online theo mẫu:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Ví dụ: Mục A: Phần B: Trong bài học	1. 2. 3.